TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 145/2020/DS-GĐT.
Ngày: 09/7/2020.
V/v: *Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí.

Ông Tô Chánh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Nguyên – Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử việc dân sự "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*".

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Hoàng Thị Mạnh N, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Hồ Văn M, sinh năm 1966;
Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1973;
Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1938;
Ông Lê Văn D, sinh năm 1955; bà Lê Thị T, sinh năm 1959.
Ông Đinh Nữ V, sinh năm 1961;
Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã H, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người yêu cầu là bà Hoàng Thị Mạnh N trình bày: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2012/DS-ST ngày 22/6/2012, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận quyết định buộc ông Hồ Văn M phải trả cho bà Hoàng Thị Mạnh N số tiền 260.800.000 đồng và tiền lãi chậm thi hành án. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nga đã làm đơn yêu cầu thi hành án. Quá trình thi hành án cưỡng chế tài sản của

ông M trả cho bà N được một số tiền, còn lại 237.564.080 đồng đến nay vẫn chưa thi hành án được.

Quá trình xác minh điều kiện thi hành án, bà cho rằng ông M có tài sản là quyền sử dụng diện tích 284m^2 thuộc thửa 12, tờ bản đồ số 8, nhà xây cấp 4 tại thôn 2, xã H. Nguồn gốc đất là do ông M nhận chuyển nhượng của ông Đinh Nữ V và ông Lê Văn D. Bà N yêu cầu Tòa án xác định thửa đất nêu trên, nhà ở và công trình trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M. Bà N yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả đo đạc và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 12/3/2019 để giải quyết yêu cầu của bà, cụ thể: yêu cầu Tòa án xác định thửa đất số 219, tờ bản đồ số 83, diện tích 323m^2 theo mảnh chỉnh lý thửa đất xã Huy Khiêm do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh duyệt ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A diện tích 105m^2, mái che khung sắt tiền chế 80m^2 thuộc quyền sử dụng, sở hữu của ông Hồ Văn M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn M, bà Đỗ Thị V, bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Thống nhất với trình bày của bà N về nguồn gốc thửa đất trước đất thuộc quyền sử dụng của ông Lê Văn D và ông Đinh Nữ V. Tuy nhiên, ông M không phải là người sang nhượng đất của ông V và ông D, bà Đ là mẹ vợ của ông M là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông V và ông D, các tài sản trên đất là nhà và khung sắt tiền chế là tài sản do bà Đ tạo lập. Đất và các tài sản trên đất thuộc quyền sử dụng, sở hữu của bà Đ, không phải của ông M nên nêu yêu cầu của bà N là không có căn cứ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan là ông Đinh Nữ V, ông Lê Văn D, bà Lê Thị T trình bày: Ông D và ông V được Ủy ban nhân dân xã hoán đổi cho các thửa đất số 954 và 955 để xây dựng nhà văn hóa thôn, 2 thửa đất này liền kề với nhau. Năm 2005, ông Đinh Nữ V, Bí thư Đảng ủy xã H, ông Lê Văn D, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc xã H và ông Hồ Văn M là Phó Chủ tịch Hội Nông dân xã H. Khi biết ông D và ông V được hoán đổi đất, ông M đặt vấn đề với ông V và ông D nhượng lại một phần các thửa đất số 954, và 955 có bề ngang mặt đường là 8,5m để có thửa đất hiện nay ông M đang sử dụng. Ông V, ông D cho rằng các ông không sang nhượng cho bà Đ. Thửa đất 219 tờ số 83, diện tích 323 theo mảnh chỉnh lý thửa đất xã H có một phần nằm trong thửa 954 tờ bản đồ số 08, Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 639885 ngày 15/7/2014 cho bà Lê Thị T (vợ ông Lê Văn D) và một phần nằm trong thửa đất số 955 tờ bản đồ số 8, Ủy ban nhân dân huyện Tánh Linh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 639889 ngày 15/7/2014 cho ông Đinh Nữ V. Ông V, ông D thống nhất với kết quả đo đạc tại mảnh chỉnh lý nêu trên. Diện tích đất đã sang nhượng cho ông M vào năm 2005 thì nay ông V, ông D, bà T không có tranh chấp. Nếu ông M có yêu cầu tách thửa thì các ông, bà đồng ý.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐST-DS ngày 25/12/2018, Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu của bà Hoành Thị Mạnh N về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Hồ Văn M

đối với thửa đất 284m^2, thuộc thửa số 12 tờ bản đồ số 08; nhà ở và công trình phụ trên đất, tọa lạc tại thôn 2, xã H, huyện T để thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lệ phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/01/2019, bà Hoàng Thị Mạnh N có kháng cáo.

Tại Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-DS ngày 03/6/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận quyết định:

Chấp nhận kháng cáo của bà Hoàng Thị Mạnh N. Sửa Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 07/2018/QĐST-DS ngày 25/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

Chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị Mạnh N. Xác định thửa đất số 219 tờ bản đồ số 83, diện tích 323m^2 tại thôn 2, xã H theo Mảnh chỉnh lý thửa đất xã H do Chi nhánh văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận duyệt ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A, mái che khung sắt tiền chế thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Hồ Văn M và bà Đỗ Thị V.

Ông Hồ Văn M được quyền sử dụng, sở hữu ½ thửa đất số 219 tờ bản đồ số 83, diện tích 323m^2 theo Mảnh chỉnh lý thửa đất xã H do Chi nhánh Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận duyệt ngày 11/4/2019 và tài sản trên đất gồm căn nhà cấp 4A, mái che khung sắt tiền chế (Có hồ sơ mảnh chỉnh lý thửa đất kèm theo).

Ông Hồ Văn M, bà Đỗ Thị V có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với các tài sản nêu trên.

Ông Đinh Nữ V, ông Lê Văn D, bà Lê Thị T có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về lệ phí và chi phí tố tụng.

Ngày 30/7/2019, ông Hồ Văn M, bà Nguyễn Thị Đ có đơn đề nghị xem xét quyết định phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 118/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 14/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị quyết định phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy toàn bộ quyết định dân sự sơ thẩm và phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết sơ thẩm lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 16/2012/DSST ngày 22/6/2012 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận đã có hiệu lực pháp luật tuyên buộc ông Hồ Văn M phải trả cho bà Hoàng Thị Mạnh N 260.000.000 đồng. Quá trình thi hành

án, ông M đã trả cho bà N được một số số tiền, còn lại 237.564.080 đồng chưa thi hành án. Quá trình xác minh điều kiện thi hành án xác định, ông M có tài sản là diện tích 323m^2 thuộc thửa 219 tờ bản đồ số 83 (thửa cũ số 12, tờ bản đồ số 8, diện tích 284m^2), theo Mảnh chỉnh lý đất xã H có một phần nằm trong thửa 954 tờ bản đồ 8 do bà Lê Thị T (vợ ông Lê Văn D) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/7/2014 và một phần nằm trong thửa 955, tờ bản đồ số 8 do ông Đinh Nữ V đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/7/2014. Do đó, bà N có đơn yêu cầu xác định quyền sở hữu, sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án, ông M không đồng và cho rằng tài sản nêu trên là của mẹ vợ ông là bà Nguyễn Thị Đ.

[2] Nguồn gốc diện tích đất nêu trên là của ông Lê Văn D và ông Đinh Nữ V. Bà N cho rằng ông D và ông V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M, còn ông M cho rằng chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Đ. Trong khi ông D và ông V là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất xác định chỉ chuyển nhượng cho ông M, không chuyển nhượng cho bà Đ. Ngoài ra, bà N cung cấp sổ hộ khẩu của ông M ngày 18/10/2004 do ông M làm chủ hộ, bà Đ là thành viên trong hộ, danh sách hộ đóng tiền mặt làm đường có tên ông M, các hóa đơn tiền điện trên khách hàng là Hồ Văn M; theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 12/3/2019, ông Nguyễn Ngọc D, Cán bộ địa chính xã có ý kiến: *"Trước đây Ủy ban nhân dân xã hoán đổi đất cho ông V và ông D để xây dựng nhà văn hóa thôn, sau đó, ông V, ông D có tách một phần thửa đất sang nhượng lại cho ông Hồ Văn M"*.

Như vậy, lời khai của bà N phù hợp với lời khai của ông D và ông V và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định ông D và ông V chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông M là có căn cứ.

[3] Đối với hai biên nhận tiền (bản phô tô), có nội dung không đầy đủ thể hiện về bên bán, bên mua và tiêu đề, mặc dù Tòa án đã yêu cầu ông M cung cấp bản chính có nội dung đầy đủ nhưng giấy tờ ông M cung cấp không còn nguyên khổ giấy, phần đầu khổ giấy đã bị hư hỏng nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem tài liệu này là chứng cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người yêu cầu, người liên quan, người làm chứng, xác minh tại địa phương, xem xét thẩm định tại chỗ các tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp làm căn cứ giải quyết. Như vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ việc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Về tài sản trên đất là căn nhà cấp 4A và mái hiên khung sắt tiền chế: Ông M cho rằng do bà Đ bỏ tiền ra xây dựng vào năm 2007, được ông Nguyễn Văn T là chủ thầu xây dựng cho bà Đ xác nhận, ngoài ra không cung cấp được tài liệu chứng minh tài sản trên đất là của bà Đ. Trong khi đất thuộc quyền sử dụng của ông M, bà V, tài sản trên đất nêu trên hiện do ông M, bà V trực tiếp quản lý, sử dụng, các tài liệu là sổ hộ khẩu, hóa đơn tiền điện, tiền làm đường giao thông đều do ông M đứng tên. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản trên đất là của ông M, bà V là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, khoản 1 Điều 343 và Điều 349 Bộ Luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận Kháng nghị số 118/QĐKNGĐT-VKS-DS ngày 14/5/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Giữ nguyên Quyết định phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐPT-DS ngày 03/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã có hiệu lực pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Tp.HCM (để b/c);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bình Thuận (kèm hs);
- TAND huyện Tánh Ling;
- Chi cục THADS huyện Tánh Linh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, HS; THS (LSN).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hồng Phong